TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 328/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 278/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Công Hoàng T**, sinh ngày 20.10.1988; CCCD số 048088001657 cấp ngày 07.5.2023; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: đường L, phường S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Trần Nguyễn Hà G**, sinh ngày 11.11.1996; CCCD số 066199012010 cấp ngày 18.9.2022; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tổ D, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng); Giấy chứng nhận kết hôn số 17, đăng ký ngày 15 tháng 02 năm 2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Lê Công

Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G có 01 con chung tên Lê Hoàng Linh S (sinh ngày 27.9.2019). Ly hôn, ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G thống nhất thỏa thuận giao con chung Lê Hoàng L San cho ông Lê Công Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Nguyễn Hà G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G xác định không có nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

[5] Về lệ phí: Người yêu cầu giải quyết dân sự là ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G.

- *Về con chung:* Công nhận ông Lê Công Hoàng T là người trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hoàng Linh S (sinh ngày 27.9.2019) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Bà Trần Nguyễn Hà G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G phải chịu lệ phí giải quyết dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005623 ngày 27.5.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Công Hoàng T và bà Trần Nguyễn Hà G đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;*
- *THADS thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND phường S, Tp. Đà Nẵng (p. M cũ);*
- *Lưu hồ sơ vụ việc dân sự.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Văn Diện